

Đặc tả cấu trúc Phiếu xét nghiệm huyết tủy đồ

Một số kiểu dữ liệu object:

1. TuyDoTeBaoKhac

| STT | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ           | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI |
|-----|--------------------|-----------------|--------------|--------|
| 1   | TenTeBao           | Tên tế bào khác | Chuỗi        | 250    |
| 2   | KetQuaTuy          | Kết quả tủy     | Chuỗi        | 100    |
| 3   | KetQuaMau          | Kết quả máu     | Chuỗi        | 100    |

Bảng mô tả định dạng

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN       | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                                                                                 | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                 |
|----------|----------------------|--------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------|--------------------------------------------------|
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.1          | MaBenhNhan         | Mã bệnh nhân                                                                          | Chuỗi        | 25             |                                                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.2          | ID                 | Mã định danh phiếu/giấy                                                               | Số nguyên    | 25             |                                                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.3          | HoVaTenBenhNhan    | Họ và tên bệnh nhân                                                                   | Chuỗi        | 250            |                                                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.4          | Tuoi               | Tuổi bệnh nhân                                                                        | Số nguyên    | 4              |                                                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.5          | GioiTinh           | Giới tính của người bệnh. Giá trị enum gồm:<br>1 – Nam,<br>2 – Nữ,<br>3 – Không biết, | Số nguyên    | 1              | Theo BHYT:<br>1: Nam; 2: Nữ;<br>3: Chưa xác định |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN       | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN   | MÔ TẢ                     | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                         |
|----------|----------------------|--------------|----------------------|---------------------------|--------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|
|          |                      |              |                      | 4 – Chưa xác định.        |              |                |                                                                          |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.6          | DiaChi               | Địa chỉ                   | Chuỗi        | 500            |                                                                          |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.7          | SoYTe                | Sở Y tế                   | Chuỗi        | 250            |                                                                          |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.8          | BenhVien             | Bệnh viện                 | Chuỗi        | 250            | Theo BHYT                                                                |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.9          | Khoa                 | Khoa điều trị             | Chuỗi        | 250            | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.10         | Buong                | Buồng                     | Chuỗi        | 50             |                                                                          |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.11         | Giuong               | Giường                    | Chuỗi        | 50             |                                                                          |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.12         | TomTatQuaTrinhBenhLy | Tóm tắt quá trình bệnh lý | Chuỗi        | 1000           |                                                                          |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.13         | ChanDoanLamSang      | Chẩn đoán lâm sàng        | Chuỗi        | 1000           |                                                                          |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.14         | YeuCauXetNghiem      | Yêu cầu xét nghiệm        | Chuỗi        | 500            |                                                                          |
| I        | Huyết đồ –           | 1.15         | NgayLamXetNghiem     | Ngày làm xét              | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD     |                                                                          |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN       | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN   | MÔ TẢ                    | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU   | NGUỒN THAM CHIẾU |
|----------|----------------------|--------------|----------------------|--------------------------|--------------|------------------|------------------|
|          | Thông tin            |              |                      | nhịệm                    |              | HH:mm            |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.16         | GioLamXetNghiem      | Giờ làm xét nghiệm       | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD HH:mm |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.17         | SoPhieu              | Số phiếu xét nghiệm      | Chuỗi        | 50               |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.18         | BacSiDieuTri         | Họ tên bác sĩ điều trị   | Chuỗi        | 250              |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.19         | MaBacSiDieuTri       | Mã bác sĩ điều trị       | Chuỗi        | 25               |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.20         | KetQuaTestXylocain   | Kết quả test xylocain 2% | Chuỗi        | 100              |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.21         | BacSiDocTestXylocain | Bác sĩ đọc test xylocain | Chuỗi        | 250              |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.22         | MaQuanLy             | Mã quản lý hồ sơ         | Số nguyên    | 25               |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.23         | NgaySinh             | Ngày sinh bệnh nhân      | Ngày         | YYYY/MM/DD       |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.24         | NgayVaoVien          | Ngày vào viện            | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD HH:mm |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.25         | MaCSKCB              | Mã cơ sở khám chữa bệnh  | Chuỗi        | 25               |                  |
| I        | Huyết đồ – Thông tin | 1.26         | IDMauPhieu           | Mã định danh mẫu phiếu   | Số nguyên    | 5                |                  |
| II       | Huyết đồ –           | 2.1          | SoLuongHongCau       | Số lượng hồng            | Chuỗi        | 100              | Quyết định       |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN      | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                      | KIỂU DỮ LIỆU | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|---------------------|--------------|--------------------|----------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          | Huyết đồ            |              |                    | cầu ( $\times 10^{12}/l$ ) |              |                | 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11            |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.2          | LuongHuyetSacTo    | Lượng huyết sắc tố (g/l)   | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.3          | Hematocrit         | Hematocrit (l/l)           | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.4          | MCV                | MCV (fl)                   | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.5          | MCH                | MCH (pg)                   | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN         | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                                 | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|------------------------|--------------|--------------------|---------------------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                        |              |                    |                                       |              |                | Tế: phụ lục 11                                                            |
| II       | Huyết đồ –<br>Huyết đồ | 2.6          | MCHC               | MCHC (g/l)                            | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| II       | Huyết đồ –<br>Huyết đồ | 2.7          | HongCauCoNhan      | Hồng cầu có nhân ( $\times 10^9/l$ )  | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| II       | Huyết đồ –<br>Huyết đồ | 2.8          | HongCauLuoi        | Hồng cầu lưới (%)                     | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| II       | Huyết đồ –<br>Huyết đồ | 2.9          | SoLuongBachCau     | Số lượng bạch cầu ( $\times 10^9/l$ ) | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| II       | Huyết đồ –<br>Huyết đồ | 2.10         | SoLuongTieuCau     | Số lượng tiểu cầu ( $\times 10^9/l$ ) | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25                                           |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN      | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN              | MÔ TẢ                                         | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                           |
|----------|---------------------|--------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|--------------|----------------|------------------------------------------------------------|
|          |                     |              |                                 |                                               |              |                | tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11                  |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.11         | Peroxydase                      | Peroxydase (+/-)                              | Chuỗi        | 100            |                                                            |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.12         | SudanDen                        | Sudan đen (+/-)                               | Chuỗi        | 100            |                                                            |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.13         | EsteraseKhongDacHieu_KhongUcChe | Esterase không đặc hiệu – Không ức chế (điểm) | Chuỗi        | 100            |                                                            |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.14         | EsteraseKhongDacHieu_CoUcChe    | Esterase không đặc hiệu – Có ức chế (điểm)    | Chuỗi        | 100            |                                                            |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.15         | EsteraseDacHieu                 | Esterase đặc hiệu (điểm)                      | Chuỗi        | 100            |                                                            |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.16         | PAS                             | P.A.S (+/-)                                   | Chuỗi        | 100            |                                                            |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.17         | PhosphataseKiemBC               | Phosphatase kiềm BC (L.A.P) (điểm)            | Chuỗi        | 100            |                                                            |
| II       | Huyết đồ – Huyết đồ | 2.18         | HongCauNhiemSat                 | Hồng cầu nhiễm sắt (Sideroblast) (%)          | Chuỗi        | 100            | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN  | MÔ TẢ                           | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|---------------------|---------------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                     |                                 |              |                | Tế: phụ lục 11                                                            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.1          | SLTeBaoTuyXuong_Tuy | Số lượng tế bào tủy xương – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.2          | SLTeBaoTuyXuong_Mau | Số lượng tế bào tủy xương – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.3          | NguyenTuyBao_Tuy    | Nguyên tủy bào – Tủy            | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.4          | NguyenTuyBao_Mau    | Nguyên tủy bào – Máu            | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.5          | TienTuyBao_Tuy      | Tiền tủy bào – Tủy              | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25                                           |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN   | MÔ TẢ                    | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|----------------------|--------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                      |                          |              |                | tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11                                 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.6          | TienTuyBao_Mau       | Tiền tủy bào – Máu       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.7          | TuyBao_TrungTinh_Tuy | Tủy bào trung tính – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.8          | TuyBao_TrungTinh_Mau | Tủy bào trung tính – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.9          | TuyBao_UaAxit_Tuy    | Tủy bào ưa a xít – Tủy   | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ –        | 3.10         | TuyBao_UaAxit_Mau    | Tủy bào ưa a xít         | Chuỗi        | 50             | Quyết định                                                                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN      | MÔ TẢ                        | KIỂU DỮ LIỆU | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|-------------------------|------------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          | Tủy đồ            |              |                         | – Máu                        |              |                | 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.11         | TuyBao_UaBazo_Tuy       | Tủy bào ưa ba zơ – Tủy       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.12         | TuyBao_UaBazo_Mau       | Tủy bào ưa ba zơ – Máu       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.13         | HauTuyBao_TrungTinh_Tuy | Hậu tủy bào trung tính – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.14         | HauTuyBao_TrungTinh_Mau | Hậu tủy bào trung tính – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN       | MÔ TẢ                         | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|--------------------------|-------------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                          |                               |              |                | Tế: phụ lục 11                                                            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.15         | HauTuyBao_UaAxit_Tuy     | Hậu tủy bào ưa a xít – Tủy    | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.16         | HauTuyBao_UaAxit_Mau     | Hậu tủy bào ưa a xít – Máu    | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.17         | HauTuyBao_UaBazo_Tuy     | Hậu tủy bào ưa ba zơ – Tủy    | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.18         | HauTuyBao_UaBazo_Mau     | Hậu tủy bào ưa ba zơ – Máu    | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.19         | BachCauDua_TrungTinh_Tuy | Bạch cầu dừa trung tính – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25                                           |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN       | MÔ TẢ                         | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|--------------------------|-------------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                          |                               |              |                | tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 11                                 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.20         | BachCauDua_TrungTinh_Mau | Bạch cầu đĩa trung tính – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.21         | BachCauDua_UaAxit_Tuy    | Bạch cầu đĩa ưa axit – Tủy    | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.22         | BachCauDua_UaAxit_Mau    | Bạch cầu đĩa ưa axit – Máu    | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.23         | BachCauDua_UaBazo_Tuy    | Bạch cầu đĩa ưa bazơ – Tủy    | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ –        | 3.24         | BachCauDua_UaBazo_Mau    | Bạch cầu đĩa ưa               | Chuỗi        | 50             | Quyết định                                                                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN        | MÔ TẢ                    | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|---------------------------|--------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          | Tủy đồ            |              |                           | ba zơ – Máu              |              |                | 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.25         | BachCauDoan_TrungTinh_Tuy | BC đoạn trung tính – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.26         | BachCauDoan_TrungTinh_Mau | BC đoạn trung tính – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.27         | BachCauDoan_UaAxit_Tuy    | BC đoạn ưa a xít – Tủy   | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.28         | BachCauDoan_UaAxit_Mau    | BC đoạn ưa a xít – Máu   | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN     | MÔ TẢ                   | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|------------------------|-------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                        |                         |              |                | Tế: phụ lục 11                                                            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.29         | BachCauDoan_UaBazo_Tuy | BC đoạn ưa ba zơ – Tủy  | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.30         | BachCauDoan_UaBazo_Mau | BC đoạn ưa ba zơ – Máu  | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.31         | NguyenLympho_Tuy       | Nguyên lympho bào – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.32         | NguyenLympho_Mau       | Nguyên lympho bào – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.33         | TienLympho_Tuy         | Tiền lympho bào – Tủy   | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25                                           |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                  | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|--------------------|------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                    |                        |              |                | tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11                                 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.34         | TienLympho_Mau     | Tiền lympho bào – Máu  | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.35         | Lympho_Tuy         | Lympho bào – Tủy       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.36         | Lympho_Mau         | Lympho bào – Máu       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.37         | NguyenTuongBao_Tuy | Nguyên tương bào – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ –        | 3.38         | NguyenTuongBao_Mau | Nguyên tương           | Chuỗi        | 50             | Quyết định                                                                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|--------------------|----------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          | Tủy đồ            |              |                    | bào – Máu            |              |                | 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.39         | TienTuongBao_Tuy   | Tiền tương bào – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.40         | TienTuongBao_Mau   | Tiền tương bào – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.41         | TuongBao_Tuy       | Tương bào – Tủy      | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.42         | TuongBao_Mau       | Tương bào – Máu      | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                 | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|--------------------|-----------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                    |                       |              |                | Tế: phụ lục 11                                                            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.43         | NguyenMono_Tuy     | Nguyên mono bào – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.44         | NguyenMono_Mau     | Nguyên mono bào – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.45         | TienMono_Tuy       | Tiền mono bào – Tủy   | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.46         | TienMono_Mau       | Tiền mono bào – Máu   | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.47         | Mono_Tuy           | Mono bào – Tủy        | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25                                           |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN    | MÔ TẢ                      | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|-----------------------|----------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                       |                            |              |                | tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11                                 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.48         | Mono_Mau              | Mono bào – Máu             | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.49         | NguyenTienHongCau_Tuy | Nguyên tiền hồng cầu – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.50         | NguyenTienHongCau_Mau | Nguyên tiền hồng cầu – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.51         | HongCau_UaBazo_Tuy    | Hồng cầu ứa bazo – Tủy     | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ –        | 3.52         | HongCau_UaBazo_Mau    | Hồng cầu ứa bazo           | Chuỗi        | 50             | Quyết định                                                                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                   | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|--------------------|-------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          | Tủy đồ            |              |                    | zơ – Máu                |              |                | 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.53         | HongCau_DaSac_Tuy  | Hồng cầu đa sắc – Tủy   | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.54         | HongCau_DaSac_Mau  | Hồng cầu đa sắc – Máu   | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.55         | HongCau_UaAxit_Tuy | Hồng cầu ưa a xít – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.56         | HongCau_UaAxit_Mau | Hồng cầu ưa a xít – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                     | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|--------------------|---------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                    |                           |              |                | Tế: phụ lục 11                                                            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.57         | HongCauLuoi_Tuy    | Hồng cầu lưới – Tủy       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.58         | HongCauLuoi_Mau    | Hồng cầu lưới – Máu       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.59         | NguyenMTC_Tuy      | Nguyên mẫu tiểu cầu – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.60         | NguyenMTC_Mau      | Nguyên mẫu tiểu cầu – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.61         | MTC_UaBazo_Tuy     | MTC ưa ba zơ – Tủy        | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25                                           |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN  | MÔ TẢ                            | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|---------------------|----------------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                   |              |                     |                                  |              |                | tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11                                 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.62         | MTC_UaBazo_Mau      | MTC ứa ba zơ – Máu               | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.63         | MTC_HatChuaSinh_Tuy | MTC hạt chưa sinh tiểu cầu – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.64         | MTC_HatChuaSinh_Mau | MTC hạt chưa sinh tiểu cầu – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.65         | MTC_HatDangSinh_Tuy | MTC hạt đang sinh tiểu cầu – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ –        | 3.66         | MTC_HatDangSinh_Mau | MTC hạt đang                     | Chuỗi        | 50             | Quyết định                                                                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN    | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN    | MÔ TẢ                       | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|-------------------|--------------|-----------------------|-----------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          | Tủy đồ            |              |                       | sinh tiểu cầu – Máu         |              |                | 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.67         | MTC_NhanTuDo_Tuy      | MTC nhân tủy do – Tủy       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.68         | MTC_NhanTuDo_Mau      | MTC nhân tủy do – Máu       | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.69         | MauTieuCau_UaBaZo_Tuy | Mẫu tiểu cầu ưa ba zơ – Tủy | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ | 3.70         | MauTieuCau_UaBaZo_Mau | Mẫu tiểu cầu ưa ba zơ – Máu | Chuỗi        | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y                |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN      | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN    | MÔ TẢ              | Kiểu dữ liệu         | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU                                                          |
|----------|---------------------|--------------|-----------------------|--------------------|----------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|
|          |                     |              |                       |                    |                      |                | Tế: phụ lục 11                                                            |
| III      | Huyết đồ – Tủy đồ   | 3.7          | TeBaoKhac             | Các tế bào khác    | List<TuyDoTeBaoKhac> | 50             | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| IV       | Huyết đồ – Kết luận | 4.1          | NhanXet               | Nhận xét           | Chuỗi                | 1000           |                                                                           |
| IV       | Huyết đồ – Kết luận | 4.2          | KetLuan               | Kết luận           | Chuỗi                | 1000           |                                                                           |
| IV       | Huyết đồ – Kết luận | 4.3          | DeNghì                | Đề nghị            | Chuỗi                | 500            |                                                                           |
| IV       | Huyết đồ – Kết luận | 4.4          | TruongKhoaXetNghiem   | Họ tên trưởng khoa | Chuỗi                | 250            |                                                                           |
| IV       | Huyết đồ – Kết luận | 4.5          | MaTruongKhoaXetNghiem | Mã trưởng khoa     | Chuỗi                | 25             |                                                                           |

Chuỗi Json:

```
{
  "MaBenhNhan": "BN000123",
  "ID": 1,
  "HoVaTenBenhNhan": "Nguyễn Văn A",
  "Tuoi": 45,
  "GioiTinh": 1,
  "DiaChi": "Quận 10, TP Hồ Chí Minh",
```

"SoYTe": "Sở Y tế TP Hồ Chí Minh",  
"BenhVien": "Bệnh viện Chợ Rẫy",  
"Khoa": "Khoa Huyết học",  
"Buong": "B12",  
"Giuong": "05",  
"TomTatQuaTrinhBenhLy": "Bệnh nhân mệt mỏi kéo dài, nghi ngờ bệnh lý huyết học.",  
"ChanDoanLamSang": "Theo dõi bệnh bạch cầu",  
"YeuCauXetNghiem": "Huyết đồ và tủy đồ",  
"NgayLamXetNghiem": "2026/03/09 08:00",  
"GioLamXetNghiem": "2026/03/09 08:15",  
"SoPhieu": "HD000567",  
"BacSiDieuTri": "Trần Văn B",  
"MaBacSiDieuTri": "BS001",  
"KetQuaTestXylocain": "Âm tính",  
"BacSiDocTestXylocain": "Lê Văn C",  
"MaQuanLy": 150058,  
"NgaySinh": "1981/03/09",  
"NgayVaoVien": "2026/03/08 14:20",  
"MaCSKCB": "79019",  
"IDMauPhieu": 1025,

"SoLuongHongCau": "4.5",  
"LuongHuyetSacTo": "135",  
"Hematocrit": "0.40",  
"MCV": "90",  
"MCH": "30",  
"MCHC": "330",  
"HongCauCoNhan": "0",  
"HongCauLuoi": "1.2",  
"SoLuongBachCau": "6.5",  
"SoLuongTieuCau": "250",

"Peroxydase": "+",  
"SudanDen": "-",  
"EsteraseKhongDacHieu\_KhongUcChe": "0",  
"EsteraseKhongDacHieu\_CoUcChe": "0",  
"EsteraseDacHieu": "1",  
"PAS": "+",  
"PhosphataseKiemBC": "80",  
"HongCauNhiemSat": "5",

"SLTeBaoTuyXuong\_Tuy": "120000",  
"SLTeBaoTuyXuong\_Mau": "2000",  
"NguyenTuyBao\_Tuy": "2",  
"NguyenTuyBao\_Mau": "0",  
"TienTuyBao\_Tuy": "3",  
"TienTuyBao\_Mau": "0",  
"TuyBao\_TrungTinh\_Tuy": "10",  
"TuyBao\_TrungTinh\_Mau": "0",  
"TuyBao\_UaAxit\_Tuy": "1",  
"TuyBao\_UaAxit\_Mau": "0",  
"TuyBao\_UaBazo\_Tuy": "0",  
"TuyBao\_UaBazo\_Mau": "0",  
"HauTuyBao\_TrungTinh\_Tuy": "5",  
"HauTuyBao\_TrungTinh\_Mau": "0",  
"HauTuyBao\_UaAxit\_Tuy": "1",  
"HauTuyBao\_UaAxit\_Mau": "0",  
"HauTuyBao\_UaBazo\_Tuy": "0",  
"HauTuyBao\_UaBazo\_Mau": "0",  
"BachCauDua\_TrungTinh\_Tuy": "8",  
"BachCauDua\_TrungTinh\_Mau": "3",  
"BachCauDua\_UaAxit\_Tuy": "1",  
"BachCauDua\_UaAxit\_Mau": "0",

"BachCauDua\_UaBazo\_Tuy": "0",  
"BachCauDua\_UaBazo\_Mau": "0",  
"BachCauDoan\_TrungTinh\_Tuy": "30",  
"BachCauDoan\_TrungTinh\_Mau": "60",  
"BachCauDoan\_UaAxit\_Tuy": "2",  
"BachCauDoan\_UaAxit\_Mau": "4",  
"BachCauDoan\_UaBazo\_Tuy": "0",  
"BachCauDoan\_UaBazo\_Mau": "1",  
"NguyenLympho\_Tuy": "0",  
"NguyenLympho\_Mau": "0",  
"TienLympho\_Tuy": "1",  
"TienLympho\_Mau": "0",  
"Lympho\_Tuy": "15",  
"Lympho\_Mau": "30",  
"NguyenTuongBao\_Tuy": "0",  
"NguyenTuongBao\_Mau": "0",  
"TienTuongBao\_Tuy": "0",  
"TienTuongBao\_Mau": "0",  
"TuongBao\_Tuy": "1",  
"TuongBao\_Mau": "0",  
"NguyenMono\_Tuy": "0",  
"NguyenMono\_Mau": "0",  
"TienMono\_Tuy": "1",  
"TienMono\_Mau": "0",  
"Mono\_Tuy": "3",  
"Mono\_Mau": "6",  
"NguyenTienHongCau\_Tuy": "2",  
"NguyenTienHongCau\_Mau": "0",  
"HongCau\_UaBazo\_Tuy": "3",  
"HongCau\_UaBazo\_Mau": "0",  
"HongCau\_DaSac\_Tuy": "2",

```
"HongCau_DaSac_Mau": "0",
"HongCau_UaAxit_Tuy": "1",
"HongCau_UaAxit_Mau": "0",
"HongCauLuoi_Tuy": "1.5",
"HongCauLuoi_Mau": "1.2",
"NguyenMTC_Tuy": "1",
"NguyenMTC_Mau": "0",
"MTC_UaBazo_Tuy": "1",
"MTC_UaBazo_Mau": "0",
"MTC_HatChuaSinh_Tuy": "2",
"MTC_HatChuaSinh_Mau": "0",
"MTC_HatDangSinh_Tuy": "3",
"MTC_HatDangSinh_Mau": "0",
"MTC_NhanTuDo_Tuy": "1",
"MTC_NhanTuDo_Mau": "0",
"MauTieuCau_UaBaZo_Tuy": "0",
"MauTieuCau_UaBaZo_Mau": "0",
"TeBaoKhac": [
  {
    "TenTeBao": "Tế bào blast",
    "KetQuaTuy": "1%",
    "KetQuaMau": "0%"
  },
  {
    "TenTeBao": "Tế bào bất thường",
    "KetQuaTuy": "0%",
    "KetQuaMau": "0%"
  }
],
```

"NhanXet": "Các chỉ số trong giới hạn bình thường, chưa thấy tế bào ác tính.",

```
"KetLuan": "Chưa ghi nhận bất thường huyết học rõ ràng.",  
"DeNghì": "Theo dõi thêm, xét nghiệm lại sau 1 tháng.",  
"TruongKhoaXetNghiem": "Phạm Văn D",  
"MaTruongKhoaXetNghiem": "BS010"  
}
```